

NGHI LỄ VÒNG ĐỜI NGƯỜI CÔNG GIÁO (Trường hợp giáo xứ Phú Nhai, tỉnh Nam Định)

Tóm tắt: Nghi lễ vòng đời người Công giáo giáo xứ Phú Nhai có nhiều điểm khác biệt với nghi lễ chu kỳ đời người của người Việt không Công giáo. Sự khác biệt này được thể hiện thông qua các phép bí tích của Công giáo Roma. Bài viết này dựa trên những tư liệu điền dã dân tộc học qua nghiên cứu trường hợp giáo xứ Phú Nhai, xã Xuân Phương, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định các năm 2008, 2014-2016. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nghi lễ chu kỳ vòng đời người của giáo dân Phú Nhai đã và đang tham gia đóng góp làm phong phú thêm bản sắc văn hóa Việt Nam thông qua 6 trong 7 phép bí tích và đi cùng với nó là sự tạo dựng về mặt công năng xã hội trong đời sống văn hóa Công giáo ở Việt Nam đương đại. Qua đó, có thể thấy cuộc sống và văn hóa của người Công giáo Việt Nam rất đa dạng và nó là một phần quan trọng của văn hóa Việt Nam.

Từ khóa: Giáo xứ Phú Nhai, người Việt, nghi lễ vòng đời người, Công giáo.

Dẫn nhập

Nghi lễ vòng đời người (còn gọi là nghi lễ đời người, chu kỳ đời người) của người Công giáo có một vị trí hết sức đặc biệt trong đời sống văn hóa tinh thần của cộng đồng giáo dân. Thông qua các phép bí tích chu kỳ đời người, có thể hiểu được nhiều khía cạnh khác nhau của đời sống tinh thần, vũ trụ quan, nhân sinh quan cũng như các quan hệ xã hội của người Công giáo Việt Nam đương đại. Từ trước đến nay đã có một số công trình nghiên cứu về người Công giáo, nhưng cho đến nay vẫn chưa có chuyên khảo nào về nghi lễ vòng đời người của giáo dân Phú Nhai dưới góc độ nhân học tôn giáo. Chúng tôi lựa chọn Phú Nhai làm địa điểm nghiên cứu trường hợp vì trước hết đây là một trong

* Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Ngày nhận bài: 27/12/2016; Ngày biên tập: 20/01/2017; Ngày duyệt đăng: 20/02/2017.

ba địa điểm truyền giáo đầu tiên của Công giáo đến tỉnh Nam Định vào năm 1553¹. Theo đó, chúng tôi thấy rằng sự hiểu biết của người không Công giáo hiện nay về văn hóa Công giáo còn chưa đầy đủ, thậm chí còn phiến diện. Kết quả nghiên cứu này sẽ giúp người ngoài đạo hiểu một cách đúng đắn hơn về văn hóa của người Công giáo. Trải qua thời gian, giáo xứ Phú Nhai đã hình thành một bản sắc riêng, thể hiện đức tin, niềm tin qua các giá trị đạo đức được đề cao trong chu kỳ vòng đời người và qua các thực hành nghi lễ nhận các phép bí tích đều có sự cộng sinh của nghi thức tôn giáo với tập quán địa phương, tạo nên một bức tranh văn hóa Công giáo Việt Nam đương đại.

Thuật ngữ “bí tích” là khái niệm của Kitô giáo về các nghi lễ hay các “phép” do Chúa Jesus lập ra. Trong mỗi giai đoạn của cuộc đời, mỗi giáo dân sẽ lĩnh nhận một bí tích (một “phép”). Sau khi chào đời thì nhận Bí tích Thánh tẩy; lớn lên khoảng 7-9 tuổi nhận Bí tích Hòa giải và Bí tích Thánh thể; khoảng 12-14 tuổi, nhận Bí tích Thêm sức; đến khi kết hôn nhận Bí tích Hôn phối; khi già yếu sắp qua đời nhận Bí tích Xức dầu bệnh nhân. Như vậy, mỗi người giáo dân trong vòng đời người thường nhận 6 trong 7 bí tích.

Các bí tích gắn liền với cuộc đời người Công giáo từ khi sinh ra đến khi chết đều thể hiện tính cộng đồng xã hội rất cao. Điều này phù hợp với định nghĩa của Émile Durkheim: “Tôn giáo là một hệ thống có tính chất gắn bó của những niềm tin và những thực hành liên quan đến những điều thiêng, nghĩa là được tách biệt, cấm đoán, những niềm tin và thực hành gắn bó tất cả những ai gia nhập vào một cộng đồng tinh thần, được gọi là giáo hội” (Durkheim, 2006). Tính hệ thống được liên kết chủ yếu thông qua những nghi lễ đời người và những ngày lễ của Công giáo để phản ánh nét đặc trưng trong đời sống văn hóa của giáo dân. Từ đó, nó hình thành nên các nét văn hóa riêng và bản sắc của cộng đồng những người theo Công giáo trên nền tảng chung của văn hóa Đại Việt với hai thành tố văn hóa cơ bản là văn hóa Việt Nam và văn hóa theo chuẩn mực của Công giáo.

1. Vài nét về giáo xứ Phú Nhai

Giáo xứ Phú Nhai thuộc xã Xuân Phương, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Toàn xã có diện tích 2,84 km², với 1.808 hộ, 6.661 nhân khẩu, chia thành 8 xóm: 1,2,3,4,5,6, xóm Bắc, Nam; trong đó,

xóm Nam, Bắc là những xóm Công giáo toàn tòng; các xóm còn lại có trên 80% số hộ không theo Công giáo². Trong xã Xuân Phương có nhà thờ Phú Nhai trực thuộc Giáo phận Bùi Chu quản lý. Đây là một trong những nhà thờ có diện tích rộng lớn nhất Việt Nam được xây dựng vào năm 1866. Sau một thời gian bị quân Pháp chiếm đóng, nhà thờ bị hư hại nặng nề và được trùng tu vào năm 2003 với diện mạo như ngày nay. Năm 2008, đền thánh Phú Nhai được Giáo phận Bùi Chu đổi tên gọi thành “Tiểu Vương Cung Thánh đường Phú Nhai”.

Hiện nay, cộng đồng lương - giáo trong xã Xuân Phương rất hòa hợp trong mọi lĩnh vực: kinh tế, văn hóa, xã hội, tôn giáo, giao tế, hôn nhân, tang ma. Tất cả, đều hướng tới một cuộc sống “tốt đời đẹp đạo” và “sống phúc âm giữa lòng dân tộc”. Họ đã cộng sinh rất nhuần nhuyễn giữa nghi thức hành lễ của Kitô giáo với văn hóa địa phương, tạo nên một nét văn hóa riêng của giáo xứ Phú Nhai qua các ngày lễ rước Thánh quan thầy, ngày kỷ niệm Chúa chết, Chúa phục sinh, Kỳ hôn cùng với nghi thức rước kiệu bát cống, tứ cống, âm nhạc, trang phục nghi lễ theo truyền thống. Có thể nói, giáo xứ Phú Nhai đã và đang tham gia đóng góp làm phong phú thêm bản sắc văn hóa văn hóa truyền thống của người Việt và trở thành một phần quan trọng của văn hóa Việt Nam đương đại (Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, 2009).

2. Các bí tích liên quan đến nghi lễ vòng đời người

Mở đầu đời sống Công giáo của một con người là nhận Bí tích Thánh tẩy và nó được xem là quan trọng nhất, vì nó chỉ nhận một lần trong đời người. Các bậc cha mẹ có bốn phận lo cho con cái được nhận bí tích ngay trong tuần lễ đầu tiên sau khi sinh. Trước ngày lễ, cha mẹ đến nhà thờ đăng ký tên cho con vào sổ “Gia đình Công giáo” và xin cha xứ làm lễ Bí tích Thánh tẩy (tức lễ nhập đạo). Ý nghĩa của nghi lễ này là nhằm tẩy sạch tội tổ tông cùng lỗi cá nhân để trở thành một tín đồ Công giáo. Thông thường, khi cho trẻ nhỏ nhận bí tích này, phải có sự đồng ý của cha mẹ các em. Tuy nhiên, những giáo dân biết cách đổ nước phép với chủ ý làm điều Giáo hội muốn, dù là người Công giáo hay không, đều có bốn phận đổ nước để ban Bí tích Thánh tẩy cho trẻ nhỏ đang trong tình trạng nguy tử, cho dù cha mẹ các em có đồng ý hay không đồng ý (Nguyễn Thế Thủ, 2003). Khi đã làm

như vậy, dù ai đó chưa kịp làm lễ rửa tội mà họ chết thì cũng được cộng đoàn thừa nhận họ là thành viên chính thức của Hội Thánh. Những giáo dân cao tuổi kể cho chúng tôi, những năm khó khăn, nhiều người bên lương sinh con nhiều nhưng không thể nuôi được, rồi con cái ốm đau, còi cọc, và nhiều đứa trẻ có nguy cơ chết yểu, người Công giáo làm việc thiện đến gia đình họ xin đứa trẻ mang về nuôi và nếu lỡ đứa trẻ chết thì làm lễ rửa tội cho nó. Người ta quan niệm làm như vậy, đứa trẻ sẽ được đầu thai ở thế giới bên kia làm người và trở thành thành viên của Công giáo và người làm phép rửa tội cũng được phúc là đã cứu vớt được linh hồn đứa trẻ. Họ quan niệm, “Mọi việc làm của người Công giáo đều hướng vào cuộc sống ở đời sau” (trích phỏng vấn ông Đa Minh Trần, ngày 01/11/2016).

Nghi thức Thánh tẩy thường làm vào ngày Chủ nhật, với sự có mặt của linh mục hay phó tế, cha mẹ đẻ và cha mẹ đỡ đầu. Người đỡ đầu hiện diện trong buổi lễ là để giới thiệu với Giáo hội và nói việc giáo dục đức tin, để các em giữ được các giới răn của Chúa. Các gia chủ thường chọn cha mẹ đỡ đầu là những người có đạo đức tốt, khỏe mạnh, giỏi giang và gia đình hạnh phúc. “Được làm mẹ đỡ đầu, tôi rất vinh dự và vui mừng, vì mình là người như thế nào thì người ta mới nhận làm mẹ đỡ đầu cho con người ta” (trích phỏng vấn, bà Maria Nguyễn, ngày 25/8/2008). Trước ngày cử hành nghi lễ, cha mẹ đẻ và cha mẹ đỡ đầu thảo luận về việc lựa chọn tên thánh cho đứa trẻ. Thông thường, trẻ nam nhận thánh Gioan, Giuse, Đa Minh, Phêrô,...; trẻ nữ nhận Đức mẹ Maria, Cêcilia... làm thánh quan thầy bản mệnh nên đặt tên thánh trước tên gọi trong giấy khai sinh³ và tên thánh sẽ theo họ suốt đời. Đến khi qua đời, gia đình, người thân và cộng đoàn làm lễ cầu nguyện cho người qua đời thì chỉ xưng tên thánh, còn tên khai sinh không gọi” (trích phỏng vấn ông Giuse Trần, ngày 01/11/2015).

Đến ngày nhập đạo, bố mẹ đẻ và bố mẹ đỡ đầu cùng người thân mang đứa trẻ đến nhà thờ, linh mục hay phó tế mặc áo Alba, hoặc áo các phép với dây Stola để cử hành nghi thức. Người nhập đạo được linh mục hay phó tế hỏi cha mẹ đẻ đứa trẻ mang tính công thức đã định sẵn⁴; sau đó họ đổ “nước phép” lên đầu người rửa tội và nói: “Cha rửa con, nhân danh Cha và Con và Thánh thần”. Tiếp theo, người nhận lễ được linh mục xức dầu thánh lên trên ngực hay môi,

đinh đầu rồi dùng ngón tay cái của bàn tay phải ghi dấu thánh giá lên trán đứa trẻ với ý nghĩa ghi ấn ơn Chúa Thánh thần; kế đó, cha mẹ đẻ, cha mẹ đỡ đầu và người thân đặt tay của mình lên tay em nhỏ vừa mới rửa tội; đồng thời, linh mục trao áo trắng cho đứa trẻ và nói: chiếc áo trắng này là dấu chỉ tước vị của trẻ. Nhờ lời chỉ bảo và gương lành của thân nhân giúp đỡ, con hãy mang nó tinh tuyền mãi cho đến cỗi trường sinh. Về ý nghĩa và tầm quan trọng của chiếc áo, một giáo dân cho biết: “Áo trắng tượng trưng cho sự tinh khiết cả phần xác và phần hồn của người nhận Bí tích Thánh tẩy. Sau này, Chúa gọi về Nước Trời, chiếc áo trắng sẽ để trong quan tài mang đi theo mình về thế giới bên kia. Bởi vậy, nó được cất giữ rất cẩn thận” (trích phỏng vấn bà Maria Đinh, ngày 02/11/2015). Kể từ sau khi linh mục hay phó tế dội nước phép và xức dầu thánh lên đầu đứa trẻ thì đã chính thức trở thành tín đồ Công giáo. “Sau khi được rửa tội là cháu đã gia nhập Hội thánh nên tôi rất yên tâm, vì tôi tin rằng như thế là cháu được thêm phần sức khỏe và thông minh. Đồng thời, tôi cũng phấn khởi vì đã làm tròn trách nhiệm của một người mẹ đã dẫn dắt con gia nhập hội thánh” (trích phỏng vấn bà Maria Nguyễn, ngày 25/8/2014). Cuối cùng, linh mục lấy ngọn nến đang cháy trên bàn lễ tượng trưng ánh sáng của Chúa Kitô châm vào cây nến của bố mẹ đẻ, bố mẹ đỡ đầu của đứa trẻ cầm trên tay mang thông điệp Chúa trao phó cho họ trông nom cho đứa trẻ xua đuổi hết mọi cám dỗ để bền vững trong đức tin. Trước Công đồng Vatican II (1962-1965), nghi lễ rửa tội chỉ có đứa trẻ, bố mẹ đẻ và bố mẹ đỡ đầu tham dự. Bây giờ, nhà thờ thường làm lễ rửa tội mang tính tập thể lên tới vài đứa trẻ trong buổi lễ. Song, không phải vì thế mà nghi lễ mất đi tính thiêng và trang trọng. “Bây giờ mọi người thích theo đức tin của thời hiện đại nhưng vẫn duy trì nét văn hóa truyền thống của dân tộc Việt là “đoàn kết tương thân, tương ái”, nên trong buổi lễ có nhiều người không phải anh em họ hàng nhưng cũng đến tham dự buổi lễ đọc kinh cầu nguyện và mua quà tặng chúc mừng đứa trẻ đã là thành viên của Hội đoàn” (trích phỏng vấn, bà Maria Trần, ngày 25/8/2008).

Sau lễ nhập đạo, các cháu khoảng 6-7 tuổi bắt đầu tham gia hội Thiếu nhi Thánh thể và học giáo lý sơ cấp, mỗi tuần 1- 2 buổi, do ông/bà “trương”, hay ông/bà “quản” dạy về niềm tin vào Thiên chúa

để biết quan tâm đến người khác, làm việc thiện, bỏ việc ác và thật thà. Đó là những điều Chúa dạy hàng ngày, làm thế nào để trở thành người Kitô hữu tốt, sống tốt đời đẹp đạo. Đến 9-10 tuổi, các em học xong lớp giáo lý sơ cấp sẽ nhận lễ sám hối xưng tội lần đầu (Bí tích Hòa giải) và nhận Bí tích Thánh thể và phép lành Minh Thánh Chúa. Ý nghĩa của việc nhận các bí tích này là biểu lộ đức tin công khai của tín đồ với Hội thánh vào sự hiện diện của Chúa Jesus trong Bí tích Thánh thể và mời gọi cộng đoàn cùng hiệp thông với Ngài trong buổi lễ. Đồng thời sau đó, các em tiếp tục đi học lớp giáo lý cấp 1-2; đến 12-14 tuổi thì được nhận Bí tích Thêm sức để gia tăng đức tin. Quan niệm đức tin của người Công giáo có hai phần: xác và hồn; trong đó giáo dân chủ yếu đến nhà thờ, ở nhà cầu nguyện để Chúa ban ơn phép lành cho phần hồn. Mục đích của ý nghĩa phần hồn là làm sao giữ đức tin cho đạo được tốt, con cái chăm ngoan, học giỏi, khỏe mạnh; còn phần xác là cầu làm ăn thuận lợi, thăng quan tiến chức chi là phụ. Trong thánh lễ này, giám mục xức dầu thánh theo hình thánh giá (✠) lên trán các em với ý nghĩa “ghi dấu ấn của Chúa trong tâm hồn” và đặt 2 tay lên đầu các em để ban 7 ơn của Chúa Thánh thần: khôn ngoan, hiểu biết, biết lo liệu, sức mạnh, thông minh, đạo đức và biết kính sợ Chúa (Bảo tàng Dân tộc học, 2009). “Em rất vui khi được nhận lễ xưng tội và Rước Minh Thánh lần đầu vì em đã biết xưng tội, được giải tội và được đón Chúa vào lòng” (trích phỏng vấn em Đa Minh Vũ, ngày 20/7/2008). Đối với giáo dân, nghi lễ Rước Minh Thánh Chúa thật quan trọng trong tiến trình khai tâm của thiếu niên, nó ghi dấu bước trưởng thành trong đời sống đức tin. Các em đã có thể tự khẳng định đức tin của mình khi theo Chúa. “Khi các em được nhận phép lành là dịp rất vui. Trước đây, gia đình các em và người trong họ ăn mừng to lắm. Nhưng bây giờ, tùy điều kiện từng gia đình, thường họ tổ chức liên hoan bánh kẹo chung cho các em” (trích phỏng vấn bà Maria Nguyễn, ngày 20/7/2008). Sau lễ nhận Bí tích Thêm sức, cũng là lúc hết tuổi thiếu nhi và chuyển sang tuổi “vào đời”, các em sẽ học tiếp giáo lý cấp 3 và giáo lý dành cho giới trẻ. Ý nghĩa của việc học giáo lý là giúp các em nắm được lẽ đạo, trở thành người Công giáo thực thụ chứ không phải là đi nhà thờ theo thói quen.

Đến tuổi trưởng thành thì đi học lớp giáo lý hôn nhân ở bất cứ nhà thờ nào mà họ cảm thấy thuận tiện. Hôn nhân và cuộc sống gia đình Công giáo là biểu tượng của sự gắn bó mật thiết giữa Chúa Jesus với Hội thánh của Ngài. Bởi vậy, hôn nhân và đời sống gia đình thường mang tính bền vững. Vì ý nghĩa của tôn giáo đối với hôn nhân trong Giáo hội và tầm quan trọng của nó trong đời người, Hội thánh yêu cầu những giáo dân chuẩn bị lập gia đình phải học giáo lý hôn nhân trước khi cưới; người ngoài Công giáo muốn kết hợp với người Công giáo thì phải làm lễ nhập đạo (nhận Bí tích Thánh tẩy) và cam kết thực hiện theo tinh thần hôn nhân Công giáo; nếu trong cuộc sống vợ chồng bất hòa chỉ được phép ly thân chứ không ly hôn. Đây được xem là những nguyên tắc bắt buộc. Ngoài ra, trước khi kết hôn, đôi tình nhân phải học lớp giáo lý hôn nhân từ 1 đến 3 tháng, sau đó có kiểm tra và cấp giấy chứng nhận của cha xứ; gửi đơn xin “rao tên” cho linh mục để công bố trước cộng đoàn trong các buổi lễ tại nhà thờ, ít nhất là 3 lần; nếu cộng đồng không có ý kiến về việc hôn nhân của đôi trai gái này thì hôn lễ sẽ được cử hành trong nhà thờ theo nghi lễ của người Công giáo. Bên cạnh đó, hai bên gia đình còn tổ chức nghi lễ theo phong tục địa phương, như: dạm ngõ, ăn hỏi, nạp tài, rước dâu và lại mặt. “Trong hôn nhân của người Công giáo, quan trọng nhất là tổ chức thánh lễ tại nhà thờ, do linh mục hoặc phó tế chủ trì. Trước sự chứng kiến của người chủ trì, 2 người làm chứng, cha mẹ đôi bên cùng cộng đoàn, cô dâu và chú rể công khai nói lên ưng thuận kết hôn, yêu thương, chung sống trọn đời và trao nhẫn cưới cho nhau” (trích phỏng vấn Giuse Đình, ngày 9/9/2016).

Kế đó, đôi tân hôn nắm tay nhau và quay mặt vào nhau nói những lời ưng thuận. Đây là nghi thức quan trọng nhất của Bí tích Hôn nhân. Do đó, nếu cử hành bí tích hôn nhân mang tính tập thể cùng một lúc, thì chủ sự chỉ cần hỏi chung một lần các câu hỏi thẩm vấn, nhưng lời cam kết hôn nhân sau đây phải để từng người biểu lộ một cách công khai, đồng dục trước mặt mọi người trong cung thánh đường theo mẫu mang tính công thức. Chú rể tuyên xưng: Tôi là.... nhận em ... làm vợ, và hứa sẽ giữ lòng chung thủy với em khi thịnh vượng cũng như lúc gian nan, khi bệnh nạn cũng như lúc mạnh khỏe, để yêu thương và tôn trọng em mọi ngày suốt đời tôi. Cô dâu đáp: Tôi là..... nhận anh..... làm

chồng, và hứa sẽ giữ lòng chung thủy với anh khi thịnh vượng cũng như lúc gian nan, khi bệnh nạn cũng như lúc mạnh khỏe, để yêu thương và tôn trọng anh mọi ngày suốt đời tôi (Nguyễn Thế Thủ, 2003). Về ý nghĩa của cam kết trước Chúa, giáo dân giải thích “Vì Chúa đã liên kết cho chúng tôi lấy nhau nên cho dù cuộc sống của vợ chồng tôi có khó khăn đến mấy hay không được hòa thuận thì cũng chỉ có thể ly thân chứ không có ly hôn” (trích phỏng vấn Maria Trần, ngày 26/2/2016). Theo quan niệm của người Công giáo, sau lời cam kết ưng thuận của chú rể và cô dâu tại thánh đường thì họ đã chính thức là vợ chồng; còn việc trao nhẫn cưới chỉ là nghi thức diễn nghĩa mang tính địa phương, không thuộc bản chất của Bí tích Hôn phối. Cho nên, người Công giáo không coi trọng nghi thức trao nhẫn cưới là nghi lễ đính hôn giống như người bên lương nên sau khi đôi vợ chồng trẻ trao nhẫn cưới cho nhau thì nghi thức bí tích hôn nhân kết thúc; các phần nghi lễ còn lại (ăn hỏi, nạp tài, thắp hương kính nhớ tổ tiên, đón dâu, lại mặt) đều là tập tục mang tính địa phương, Giáo hội không can thiệp.

Có đôi tân hôn còn dâng một cặp nến hồng, lẵng hoa màu trắng, rượu nho, bánh lễ kết hợp với lễ vật, trầu cau đặt trên bàn lễ tạ ơn Thiên chúa. Những người đến dự đám cưới, họ tặng phong bì, quà cưới, đặc biệt là cha mẹ đỡ đầu hay bạn thân thường tặng bức tranh “gia đình Thánh”, với ý nghĩa chúc đôi tân hôn hạnh phúc như gia đình Thánh; trong đó, “Giuse là người cha mẫu mực, Maria là người mẹ hiền hậu, chăm lo chu toàn cuộc sống gia đình, Giêsu là sự kết hợp yêu thương giữa Maria và Giuse. Gia đình ấy là ước vọng của mọi nhà” (trích phỏng vấn Giuse Đình, ngày 26/2/2016).

Hiện nay, nhiều đôi tình nhân đã vượt qua mọi rào cản của gia đình, dòng họ để đến được hôn nhân. Nếu người chồng hay vợ là người không theo Công giáo mà muốn kết hôn với người Công giáo, ngoài việc phải có giấy xác nhận của chính quyền địa phương, biết và chấp nhận các mục đích cũng như đặc tính của hôn nhân Công giáo, sau khi thực hiện nghi lễ nhập đạo, học lớp giáo lý hôn nhân thì họ còn phải viết giấy phải cam kết giữ đức tin không được bỏ đạo, bảo lãnh cho con cái nhận các Bí tích Thánh tẩy và được giáo dục đức tin. Sau đó, họ mới được cử hành nghi lễ trong nhà thờ giống như một giáo dân. Nếu người ngoài đạo không thực hiện bí tích này,

linh mục xứ và cộng đoàn không tổ chức hôn lễ trong nhà thờ. Đồng thời, người vợ hay chồng là người theo đạo phải thường xuyên hướng dẫn người yêu mình đọc kinh, làm dầu, lèn tràng hạt mân côi và đưa họ đi lễ nhà thờ để hòa nhập với mọi người. Sau khi thực hiện Bí tích Hôn nhân, đôi vợ chồng trẻ sẽ nhận một cuốn sổ gia đình Công giáo, gồm 3 phần: “giáo lý hôn nhân”, chứng chỉ hôn phối, thông tin về các con (tên, tên thánh, ngày tháng năm sinh), ngày tháng nhận lễ bí tích.

Một sự khác biệt nữa là trong hôn nhân của người Công giáo chỉ có ly thân chứ không ly hôn. Nếu vì một lý do nào đó mà người vợ hoặc chồng viết đơn gửi lên tòa án xin được ly hôn thì người đó không chỉ mắc vào tội trọng theo giáo lý của người Công giáo đã quy định mà còn bị gia đình, dòng họ, cộng đoàn từ bỏ không liên hệ nữa.

Trong chu kỳ đời người, mỗi giáo dân được sinh ra, lớn lên, trưởng thành, già lão rồi chết đi trở về bên Nước Chúa. Cái chết là quy luật tất yếu không tránh khỏi. Người Công giáo quan niệm, cái chết là đánh dấu sự hoàn thành kiếp người sống trong cát bụi sẽ trở về với cát bụi, với cuộc sống vĩnh hằng. Đối với người Công giáo, cõi trường sinh là thế giới tốt đẹp mà họ luôn hướng tới sau khi chết. Bởi vậy, khi về già, hay có biểu hiện ốm đau nặng thường được gia đình, dòng họ xin linh mục xứ đến làm lễ Giải tội và ban Bí tích Xức dầu bệnh nhân; đồng thời, mời ông “phản” hay “hội kẻ liệt” đến nhà đọc kinh cầu nguyện, nhằm giúp bệnh nhân bình phục hay sám hối tội lỗi, với hy vọng nếu qua đời thì sớm về cõi trường sinh. Những linh hồn chưa giải hết tội hay đền tội chưa xong, hoặc chưa nhận Bí tích Xức dầu bệnh nhân, đều bị xem là chết dữ, thì khi qua đời, linh hồn của họ phải trải qua quá trình “luyện tội”⁵.

Ý nghĩa của Bí tích Xức dầu bệnh nhân nhằm nâng đỡ tinh thần và an ủi người ốm (kẻ liệt) để họ thanh thản trước khi về với Chúa. Khác với các bí tích trước, mỗi tín đồ chỉ được nhận một lần, còn Bí tích Xức dầu bệnh nhân thì mỗi giáo dân có thể nhận nhiều lần mỗi khi bị ốm nặng hay già yếu. Thông thường, bí tích này được cử hành sau phép Giải tội và rước Mình Thánh Chúa và do giám mục hay linh mục thực hiện. Người thực hành nghi lễ dùng tay chấm dầu ôliu hoặc dầu thảo mộc đã được làm phép trong lễ truyền dầu, xức lên trán và vào

lòng hai bàn tay người nhận bí tích; đồng thời, cầu nguyện xin Chúa tiếp thêm sức lực để người bệnh hồi phục thêm sức lực, được tha thứ tội lỗi, làm tiêu tan mọi đau khổ về thể xác và tâm hồn để lại được chu toàn đức tin với Chúa. Một giáo dân chuyên đi giúp kẻ liệt tâm sự: “Người được xức dầu thánh sẽ được an vui về thể xác và tâm hồn để vững tâm đi theo ơn gọi của Chúa” (trích phỏng vấn ông Giuse Nguyễn, ngày 25/8/2016).

Sau khi thực hiện Bí tích Xức dầu bệnh nhân mà người bệnh có dấu hiệu “được ơn Chúa gọi” (qua đời) thì người giúp “kẻ liệt” luôn túc trực ở bên cạnh người bệnh đến lúc tắt thở để lo phần linh hồn, vì đây là giờ chót để chứng minh đức tin của người quá cố từ lúc nhỏ đến tuổi già đã giữ trọn đức tin với Chúa, bằng cách ông “phản” là người giúp người bệnh đọc kinh xưng tội với Chúa để cho linh hồn trong sạch và được chết lành. Ông “phản” đặt tượng Chúa trên cây thánh giá, cốc nước phép, nến phục sinh ở phía đầu giường “kẻ liệt” và luôn miệng đọc “Đa Minh con phó linh hồn con trong tay Chúa”, cứ đọc như vậy cho đến khi nào người bệnh tắt thở thì ông rung chuông sâu và vẩy nước phép lên trên người chết, với ý nghĩa gia đình, cộng đoàn tiễn biệt linh hồn về thế giới bên kia và nước phép này nhằm cấm ma quỷ không đến xâm hại đến linh hồn người quá cố. Thi thể để yên nghỉ trên giường 1 giờ, theo quan niệm, “linh hồn thoát ra khỏi xác, thân xác rất đau đớn nên phải để cho họ nghỉ ngơi”. Ở bên ngoài, cộng đoàn đọc kinh cầu nguyện và một người đại diện đi đến báo với linh mục xứ, Ban hành giáo để họ thông báo bằng loa phát thanh cho mọi người biết là trong làng có người mất; đồng thời, gia đình đi lấy các loại lá có mùi thơm để nấu nước tắm rửa, khâm liệm. Sau khi khâm liệm, người ta đặt chiếc áo trắng có in hình cây thánh giá đã được linh mục xứ làm phép lên trên ngực người quá cố rồi cho thi hài nhập quan và tiến hành nghi thức phát tang theo truyền thống. Đám tang ông Đa Minh (đội Bắc, giáo xứ Phú Nhai), ông trưởng tộc đội khăn tang đầu tiên, sau đó phát cho con trai cả, thứ, con gái, dâu, rể, cháu...; linh mục xứ, cộng đoàn đọc kinh cầu hồn tại gian giữa. Quan tài đặt giữa nhà và treo bức màn tang màu tím có thêu hình chúa Jesus trên cây thánh giá cùng với hàng chữ “Ơn cứu độ nơi Ngài chan chứa” và “Lạy Chúa, xin thương nhận

linh hồn tới Chúa” trông rất trang nghiêm; bên dưới màn tang là bàn lễ có đặt nến, bát hương⁶, lẵng hoa và di ảnh người mất. Phía đầu quan tài gắn hình cây thánh giá vừa mang biểu tượng cho người chết là người Công giáo vừa nhận biết đó là phía đầu của quan tài mà thực hiện tập tục quay quan tài khi di quan đưa linh cữu đến nhà thờ làm lễ. Với tang lễ của người Công giáo, quan trọng nhất là nghi thức linh mục vẩy nước phép lên quan tài, sau đó cùng cộng đoàn cầu nguyện tại nhà thờ. Trên linh cữu có đặt cây thánh giá và thắp 7 ngọn nến màu tím (với con trai) và 9 ngọn (với nữ), tượng trưng cho các ơn Chúa Thánh thần; bên cạnh linh cữu thắp cây nến phục sinh màu vàng, với ý nghĩa ánh sáng của Chúa dẫn dắt linh hồn người chết về thế giới bên kia. Khi đưa tang, cộng đồng đưa linh cữu vào đặt bên trong nhà thờ để cho cha xứ, cộng đoàn cầu nguyện. Đây là phần quan trọng nhất của tang lễ theo quan niệm của người Công giáo. Bởi vậy, “đến giờ đưa tang, dù công việc gia đình có bận rộn đến mấy thì tôi cũng gác lại để đến chia buồn và cầu nguyện cho linh hồn người mất” (trích phỏng vấn Maria Nguyễn, ngày 24/12/2015).

Sau tang lễ, việc cầu nguyện cho người chết được thực hiện vào các dịp 3 ngày, 7 ngày, 49 ngày, 100 ngày, giỗ đầu, đoạn tang (3 năm), lễ cầu hồn vào ngày 2 tháng 11 dương lịch hàng năm. Vào các dịp này, người thân đến nhà thờ xin lễ, nhờ linh mục xứ cùng cộng đoàn cầu nguyện cho linh hồn người chết; tang gia thắp hương, nến, dâng hoa ngoài mộ, ở nhà; đồng thời, cầu nguyện để tưởng nhớ, giúp linh hồn người chết sớm sạch hết tội lỗi để về với Chúa. Người Công giáo ít cải táng. Tuy nhiên, sau lễ đoạn tang, một số dòng họ, giáo xứ vẫn có tục quy tụ hài cốt vào khu mộ của dòng họ để tiện việc chăm sóc phần mộ và cầu nguyện.

Thay lời kết luận

Trong chu kỳ đời người của người Công giáo, mỗi giáo dân phải được linh nhận 6 bí tích như đã trình bày ở trên. Các phép bí tích vừa mang màu sắc Kitô giáo bởi phần giáo lý, giáo luật, cử hành nghi thức vừa mang nét văn hóa đặc thù theo phong tục tập quán của người dân địa phương (tặng quà bằng phong bì, đồ dùng cá nhân, sự thăm hỏi, lời chúc tụng,...), nó đã góp phần tạo nên một nét mới trong văn hóa Công giáo Việt Nam đương đại. Đồng thời, qua sinh

hoạt tôn giáo của giáo dân chúng tôi nhận thấy trong nghi lễ chu kỳ đời người của họ không mang tính cố định của giáo lý Công giáo Roma mà nó có sự biến đổi theo phương châm: biến đổi cho phù hợp để tồn tại và phát triển. Có thể nói, giáo dân Phú Nhai rất linh hoạt trong tiếp nhận các Bí tích Công giáo gắn với chu kỳ đời người theo hướng “lấy nghi thức văn hóa Công giáo để làm nổi bật yếu tố văn hóa bản địa; từ đó đã tạo ra nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc và trở thành một phần quan trọng của “bức tranh văn hóa” Công giáo Việt Nam đương đại./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Theo bảng giới thiệu lịch sử Nhà thờ Phú Nhai, xã Xuân Phương, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.
- 2 Báo cáo của Ủy ban nhân dân xã Xuân Phương, ngày 10/11/2016.
- 3 Tên thánh (Gioan, Giuse, Phaolô, Maria,...) luôn đặt trước tên khai sinh, ví dụ: Giuse Đình Thế Công, Maria Trần Thị Thu Hoài,... và đến khi chết, chỉ dùng tên thánh để cầu nguyện (không gọi tên khai sinh).
- 4 Người cử hành nghi lễ sẽ hỏi cha mẹ đứa trẻ về đặt tên thánh, khai sinh, nội dung xin nhập đạo cho trẻ và nhắc nhở cha mẹ đẻ và cha mẹ đỡ đầu của đứa trẻ là sau khi rửa tội, họ phải có trách nhiệm giáo dục đức tin và tuân thủ giữ giới luật là mến Chúa yêu người.
- 5 Luyện tội có nghĩa là tẩy luyện cho tinh sạch; nếu vẫn còn mắc tội trọng thì bị đẩy xuống địa ngục, mãi mãi ở nơi khổ cực, xa Thiên chúa.
- 6 Theo nhiều giáo dân kể lại, trước Công đồng Vatican II (1962-1965), trong tang lễ cũng như thờ cúng tổ tiên không được đặt bát hương, nay giáo dân đã được thực hiện nhưng không được đặt hoa quả, bánh kẹo, cơm canh...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam (2008), *Tài liệu phỏng vấn về văn hóa Công giáo*, tập 1, 2, Thư viện Bảo tàng Dân tộc học.
2. Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam (2009), *Sống trong bí tích - Văn hóa Công giáo đương đại Việt Nam*, Cataluger, Bảo tàng Dân tộc học.
3. Nguyễn Hồng (2009), *Lịch sử truyền giáo ở Việt Nam*, quyển 1: Các thừa sai Dòng Tên (1615-1663), Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
4. Đình Kiều Nga, *Ảnh hưởng của Công giáo với nền văn hóa Việt Nam*, tại: <http://btgcp.gov.vn>
5. Linh mục Vinh Sơn Nguyễn Thế Thủ (2003), *Cẩm nang các nghi thức bí tích và á bí tích*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh (tài liệu lưu hành nội bộ).
6. Émile Durkheim (2006), “Định nghĩa hiện tượng tôn giáo và về tôn giáo”, trong *Những vấn đề nhân học tôn giáo*, Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, Tạp chí Xưa & Nay, Nxb. Đà Nẵng: 35-66 (Đào Hùng dịch, Nguyễn Kim Hiền hiệu đính).

Abstract**CATHOLICS' LIFE CYCLE RITUALS****(A Case Study of Phú Nhai parish, Nam Định province, Vietnam)**

There are many differences in life cycle rituals between the Catholics of Phu Nhai parish and the non-Catholic Vietnamese. These distinctions are expressed through the Roman Catholic Sacraments. This article is based on the ethnographic data on a case study of the Phu Nhai parish, Xuan Phuong commune, Xuan Truong district, Nam Định province in 2008, and from 2014 to 2016. Research results showed that the life cycle rituals of Phu Nhai parishioners have contributed to enriching the Vietnamese cultural identity through 6 of 7 Sacraments and their social functions in the Catholic cultural life in contemporary Vietnam. Thereby, it shows the diversity of Vietnamese Catholics' cultural life and it is an important part of Vietnamese culture.

Keywords: Phu Nhai parish, life cycle ritual, Vietnamese, Catholicism.